

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Đề án phát triển công nghiệp hỗ trợ tỉnh Đồng Nai
giai đoạn 2016 - 2020, định hướng đến năm 2025**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 111/2015/NĐ-CP ngày 03/11/2015 của Chính phủ về phát triển công nghiệp hỗ trợ;

Căn cứ Nghị định số 56/2009/NĐ-CP, ngày 30/6/2009 của Chính phủ về phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa;

Căn cứ Quyết định số 9028/QĐ-BCT ngày 8/10/2014 của Bộ Công Thương về việc phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển công nghiệp hỗ trợ đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030;

Thực hiện Quyết định số 496/QĐ-UBND ngày 20 tháng 02 năm 2012 của UBND Tỉnh Đồng Nai về việc phê duyệt Quy hoạch phát triển ngành công nghiệp trên địa bàn tỉnh Đồng Nai đến năm 2020 và định hướng đến năm 2025;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Công Thương tại Tờ trình số 4159/TTr-SCT ngày 12/12/2016,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Đề án phát triển công nghiệp hỗ trợ tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2016 - 2020, định hướng đến năm 2025, với nội dung chính như sau:

I. Quan điểm phát triển

1. Phát triển công nghiệp hỗ trợ phù hợp với quy hoạch và chính sách phát triển công nghiệp hỗ trợ của cả nước; phát huy thế mạnh địa phương, tập trung phát triển công nghiệp hỗ trợ làm khâu đột phá để nâng cao giá trị gia tăng và phát triển ngành công nghiệp bền vững.

2. Phát triển công nghiệp hỗ trợ tập trung vào phục vụ cho các ngành công nghiệp ưu tiên, công nghiệp mũi nhọn của tỉnh, góp phần giảm nhập siêu nguyên vật liệu, linh kiện, phụ tùng. Mặt khác, phát triển công nghiệp hỗ trợ cần phải hướng tới mục tiêu thị trường toàn cầu nhằm mở rộng thị trường và tham gia sâu vào chuỗi giá trị toàn cầu.

3. Phát triển công nghiệp hỗ trợ trên cơ sở huy động tối đa năng lực của các thành phần kinh tế; thu hút đầu tư và khuyến khích các công ty đa quốc gia đầu tư phát triển các doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ nội địa; hỗ trợ cho các

doanh nghiệp nhỏ và vừa sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ đạt tiêu chuẩn chất lượng quốc tế, đáp ứng được yêu cầu của các công ty đa quốc gia và tham gia sâu vào chuỗi giá trị toàn cầu.

4. Phát triển công nghiệp hỗ trợ cần phải gắn kết với việc bảo vệ môi trường trên cơ sở áp dụng tiến bộ kỹ thuật trong sản xuất, đổi mới công nghệ, phát triển công nghiệp sạch, bố trí địa điểm các doanh nghiệp hợp lý để nâng cao hiệu quả xử lý ô nhiễm và bảo vệ môi trường.

II. Mục tiêu đề án

1. Mục tiêu chung

a) Hình thành và phát triển hệ thống doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ có thể mạnh trong các ngành và lĩnh vực sản xuất nguyên vật liệu, linh kiện, phụ tùng cơ khí, điện - điện tử, dệt may, da giày và công nghiệp hỗ trợ công nghiệp công nghệ cao.

b) Nâng cao năng lực cạnh tranh cho các doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ trong nước để cung cấp các sản phẩm công nghiệp hỗ trợ đáp ứng nhu cầu thị trường trong nước và tham gia sâu vào chuỗi giá trị toàn cầu.

2. Mục tiêu cụ thể

a) Giá trị SXCN (GO):

- Giai đoạn 2016 - 2020: GO công nghiệp hỗ trợ tăng bình quân 9%/năm; đến năm 2020, công nghiệp hỗ trợ chiếm 35% GO ngành công nghiệp.

- Giai đoạn 2021 - 2025: GO công nghiệp hỗ trợ tăng bình quân 8%/năm; đến năm 2025, công nghiệp hỗ trợ chiếm 40% GO ngành công nghiệp.

b) Xuất khẩu

- Giai đoạn 2016 - 2020: Giá trị xuất khẩu công nghiệp hỗ trợ tăng bình quân 8%/năm; đến năm 2020, công nghiệp hỗ trợ chiếm 30% giá trị xuất khẩu ngành công nghiệp.

- Giai đoạn 2021- 2025: Giá trị xuất khẩu công nghiệp hỗ trợ tăng bình quân 7%/năm; đến năm 2025, công nghiệp hỗ trợ chiếm 35% giá trị xuất khẩu ngành công nghiệp.

c) Lao động

- Giai đoạn 2016 - 2020: Lao động công nghiệp hỗ trợ tăng bình quân 6%/năm; đến năm 2020, công nghiệp hỗ trợ chiếm 25% lao động ngành công nghiệp.

- Giai đoạn 2021 - 2025: Lao động công nghiệp hỗ trợ tăng bình quân 5%/năm; đến năm 2025, công nghiệp hỗ trợ chiếm 30% lao động ngành công nghiệp.

d) Số lượng doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ tăng thêm

- Giai đoạn 2016 - 2020: Số lượng doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ tăng bình quân 4%/năm; đến năm 2020, công nghiệp hỗ trợ chiếm 20% số lượng doanh nghiệp ngành công nghiệp.

- Giai đoạn 2021 - 2025: Số lượng doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ tăng bình quân 3%/năm; đến năm 2025, công nghiệp hỗ trợ chiếm 25% số lượng doanh nghiệp ngành công nghiệp.

e) Đến năm 2020 có 20 doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ trong nước tham gia cung ứng cho các doanh nghiệp FDI và tham gia vào chuỗi giá trị toàn cầu. Đến năm 2025 có 50 doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ trong nước tham gia cung ứng cho các doanh nghiệp FDI và tham gia vào chuỗi giá trị toàn cầu.

III. Các hoạt động chính của đề án

1. Tuyên truyền

a) Tuyên truyền đến người dân và cộng đồng doanh nghiệp nhằm nâng cao nhận thức về công nghiệp hỗ trợ và thực hiện khâu đột phá phát triển công nghiệp hỗ trợ.

b) Tuyên truyền đến cộng đồng doanh nghiệp, doanh nhân đã, đang và sẽ tham gia đầu tư trong ngành công nghiệp hỗ trợ nhằm chung tay thực hiện nhiệm vụ phát triển công nghiệp hỗ trợ, tạo ra khâu đột phá phát triển kinh tế đất nước.

c) Biên tập và in thành sách: “Chính sách hiện hành về phát triển công nghiệp hỗ trợ” phát hành đến các chủ doanh nghiệp, nhà đầu tư, doanh nhân biết để tham gia đầu tư phát triển công nghiệp hỗ trợ.

d) Tuyên truyền thu hút lớp trẻ vào làm việc trong các ngành công nghiệp hỗ trợ. Hình thành và tổ chức trao giải thưởng tôn vinh và quảng bá hình ảnh các nhà cung cấp trong nước thành đạt trên các phương tiện thông tin đại chúng.

2. Hỗ trợ các doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ tiếp cận vốn vay đầu tư dài hạn với lãi suất ưu đãi:

a) Hỗ trợ các doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ tiếp cận vốn vay lãi suất ưu đãi thông qua việc hỗ trợ lãi suất sau đầu tư theo Quyết định số 43/2012/QĐ-UBND ngày 06/8/2012 của UBND tỉnh ban hành quy chế hỗ trợ sau đầu tư đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn Đồng Nai.

b) Hỗ trợ cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa hoạt động trong ngành công nghiệp hỗ trợ tiếp cận vốn ngân hàng và các tổ chức tín dụng thông qua hoạt động bảo lãnh tín dụng cho các doanh nghiệp.

c) Hỗ trợ tạo điều kiện cho các doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ tiếp cận vốn từ nguồn tín dụng đầu tư của Nhà nước theo Nghị định số 75/2011/NĐ-CP ngày 30/8/2011 của Chính phủ quy định về tín dụng đầu tư và tín dụng xuất khẩu của nhà nước và Thông tư số 01/2016/TT-NHNN ngày 4/02/2016 của Ngân hàng Nhà nước về hướng dẫn chính sách cho vay phát triển công nghiệp hỗ trợ.

3. Hỗ trợ nghiên cứu và phát triển, ứng dụng và chuyển giao công nghệ trong các ngành, lĩnh vực công nghiệp hỗ trợ; hợp tác quốc tế trong đào tạo, nghiên cứu và chuyển giao công nghệ:

a) Hỗ trợ về nghiên cứu ứng dụng, sản xuất thử nghiệm, chuyển giao công nghệ cho các doanh nghiệp và các cơ sở nghiên cứu trong ngành công nghiệp hỗ trợ;

b) Hỗ trợ các doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ đổi mới công nghệ và sản xuất thử nghiệm; hỗ trợ các doanh nghiệp tiếp nhận chuyển giao công nghệ, mua bản quyền sáng chế, phần mềm, thuê chuyên gia nước ngoài và đào tạo nguồn nhân lực;

c) Đẩy mạnh hợp tác quốc tế trong việc chuyển giao công nghệ tiên tiến nhằm nâng cao năng lực cho các doanh nghiệp trong nước; hỗ trợ tạo điều kiện thuận lợi để các doanh nghiệp FDI có các dự án chuyển giao công nghệ tiên tiến cho doanh nghiệp trong nước.

d) Kết nối các chuyên gia trong và ngoài nước hỗ trợ trực tiếp cho các doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ trong nước; mở rộng hợp tác quốc tế trong đào tạo sinh viên các ngành kỹ thuật công nghiệp hỗ trợ tại các trường đại học, cao đẳng, dạy nghề tiên tiến trong khu vực và trên thế giới.

4. Hỗ trợ các doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ áp dụng các tiêu chuẩn, công cụ quản lý tiên tiến trong quản trị doanh nghiệp và quản trị sản xuất, đáp ứng yêu cầu của các chuỗi sản xuất toàn cầu.

a) Đánh giá khả năng và nhu cầu áp dụng các tiêu chuẩn, công cụ quản lý tiên tiến trong sản xuất của các doanh nghiệp.

b) Xây dựng các chương trình, tổ chức đào tạo cho các doanh nghiệp, tổ chức đánh giá công nhận hệ thống quản trị doanh nghiệp và quản trị sản xuất theo các tiêu chuẩn quốc tế.

5. Hỗ trợ đào tạo nguồn nhân lực đáp ứng nhu cầu của doanh nghiệp trong các ngành công nghiệp hỗ trợ ưu tiên phát triển.

a) Nghiên cứu đánh giá nhu cầu về nhân lực của doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ trên cơ sở đó tổ chức các khóa đào tạo cho phù hợp với nhu cầu của doanh nghiệp và mời chuyên gia nước ngoài hỗ trợ đào tạo.

b) Tổ chức các hoạt động đào tạo nguồn nhân lực cho doanh nghiệp nhỏ và vừa nhằm bổ sung kiến thức cho đội ngũ quản lý, nâng cao tay nghề, kỹ năng cho người lao động, đáp ứng yêu cầu trong thực hiện chuyển giao công nghệ.

c) Tăng cường đào tạo các chủ doanh nghiệp bằng các hoạt động đào tạo khác nhau. Đào tạo lao động tay nghề cao bằng cách phối hợp, tiếp nhận hỗ trợ từ các nước công nghiệp phát triển có trình độ công nghệ tiên tiến.

6. Hỗ trợ mặt bằng sản xuất cho các dự án đầu tư thuộc các ngành, sản phẩm công nghiệp hỗ trợ ưu tiên phát triển

a) Hỗ trợ các doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ đầu tư vào các khu công nghiệp

- Chuẩn bị sẵn sàng mặt bằng, xây sẵn nhà xưởng cho thuê để thu hút đầu tư các dự án công nghiệp hỗ trợ, nhất là đối với các dự án của doanh nghiệp nhỏ và vừa chỉ cần thuê nhà xưởng diện tích nhỏ.

- Xây dựng hoàn chỉnh hạ tầng và thu hút đầu tư vào 03 phân khu công nghiệp hỗ trợ đã được quy hoạch để đáp ứng nhu cầu mặt bằng của các nhà đầu tư. Đồng thời sẽ tiếp tục quy hoạch thêm các phân khu công nghiệp hỗ trợ, các khu công nghiệp hỗ trợ mới để thu hút đầu tư phát triển công nghiệp hỗ trợ trên địa bàn tỉnh.

b) Hỗ trợ các doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ đầu tư vào các cụm công nghiệp

- Triển khai đầu tư xây dựng hạ tầng 02 cụm công nghiệp hỗ trợ gồm: Cụm CNHT Dệt may Gia Tân tại huyện Thống Nhất và Cụm công nghiệp hỗ trợ Ô tô Đô Thành, tại huyện Long Thành nhằm đáp ứng nhu cầu mặt bằng cho các doanh nghiệp CNHT ưu tiên phát triển của tỉnh.

- Xem xét điều chỉnh bổ sung một số chính sách hỗ trợ đối với các cụm công nghiệp thu hút đầu tư các ngành công nghiệp hỗ trợ ưu tiên phát triển như: cơ khí, điện tử - máy tính và sản phẩm quang học, dệt may, da giày, công nghiệp hỗ trợ cho công nghiệp công nghệ cao.

7. Kết nối, hỗ trợ doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ trong nước trở thành nhà cung cấp cho khách hàng trong và ngoài nước; xúc tiến thương mại.

a) Tổ chức đánh giá, xác nhận năng lực doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ; Tư vấn hỗ trợ kỹ thuật, quản lý cho các doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ nhằm giúp cho các doanh nghiệp trong nước nâng cao năng lực đáp ứng được các tiêu chuẩn chất lượng, chi phí và thời gian giao hàng của khách hàng trong và ngoài nước.

b) Định kỳ tổ chức khảo sát các doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ và lập danh mục các nhà cung cấp tiềm năng, xây dựng thành cơ sở dữ liệu công nghiệp hỗ trợ. Thông qua xây dựng cơ sở dữ liệu công nghiệp hỗ trợ được cập nhật thường xuyên giúp các doanh nghiệp có thông tin về nhau, thông tin về nguồn cung và nhu cầu sản phẩm công nghiệp hỗ trợ, từ đó tạo cơ sở để kết nối các doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ với nhau và với các doanh nghiệp lắp ráp sản phẩm hoàn chỉnh.

c) Thông qua các website cung cấp thông tin, kết nối doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ nhằm giúp các doanh nghiệp FDI tìm kiếm đối tác gia công, cung cấp nguyên liệu đồng thời cung cấp thông tin về doanh nghiệp Việt Nam có khả năng cung cấp sản phẩm công nghiệp hỗ trợ cho các khách hàng.

d) Xây dựng chương trình kết nối doanh nghiệp FDI - doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ trong nước. Tăng cường các hoạt động kết nối như tham gia triển

lâm, hội chợ kết nối nhà cung cấp và nhà lắp ráp FDI, tổ chức các đoàn doanh nghiệp, v.v.

đ) Xây dựng tổ chức liên kết các doanh nghiệp dưới dạng hiệp hội, hội ngành nghề. Thông qua đó, nhà nước nắm bắt được các thông tin từ các doanh nghiệp để có những chính sách hỗ trợ phù hợp. Các doanh nghiệp nắm bắt được một cách rõ ràng những vấn đề trong ngành nghề và có thể trao đổi thông tin cũng như tổ chức các buổi tham quan học tập lẫn nhau theo từng loại ngành nghề.

e) Hỗ trợ các doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ quảng bá, đăng ký thương hiệu sản phẩm, tìm kiếm, phát triển thị trường tiêu thụ sản phẩm trong và ngoài nước.

8. Xúc tiến thu hút đầu tư các nhà cung cấp FDI các ngành, sản phẩm CNHT ưu tiên phát triển.

a) Thực hiện các chương trình xúc tiến thu hút đầu tư các nhà cung cấp FDI đầu tư vào các ngành công nghiệp hỗ trợ ưu tiên phát triển;

b) Ưu tiên thu hút các nhà đầu tư nước ngoài trong những ngành công nghiệp hỗ trợ mà các doanh nghiệp trong nước còn yếu bằng nhằm thúc đẩy chuyển giao công nghệ cho các doanh nghiệp trong nước;

c) Tổ chức xúc tiến đầu tư sang các nước công nghiệp phát triển nhằm quảng bá hình ảnh và giới thiệu các điều kiện thuận lợi của tỉnh Đồng Nai đến các nhà đầu tư có tiềm năng về vốn, thị trường, công nghệ tiên tiến trong các ngành, sản phẩm công nghiệp hỗ trợ ưu tiên phát triển;

d) Quan tâm, lắng nghe ý kiến của các nhà đầu tư đang hoạt động tại Đồng Nai, kịp thời giải quyết các kiến nghị và các khó khăn vướng mắc để họ yên tâm đầu tư lâu dài và qua đó sẽ có tác động lan tỏa đến các nhà đầu tư tiềm năng;

đ) Tư vấn, hỗ trợ doanh nghiệp đầu tư vào các ngành, sản phẩm công nghiệp hỗ trợ ưu tiên phát triển.

IV. Phạm vi ngành, sản phẩm công nghiệp hỗ trợ ưu tiên phát triển, kinh phí và thời gian thực hiện.

1. Các ngành công nghiệp hỗ trợ ưu tiên phát triển:

a) Các ngành công nghiệp hỗ trợ ưu tiên phát triển là các ngành công nghiệp hỗ trợ cung ứng cho các ngành công nghiệp hạ nguồn như sau:

- Ngành cơ khí: Máy động lực, cơ khí phục vụ nông, lâm, ngư nghiệp và công nghiệp chế biến; thiết bị điện; cơ khí ô tô.

- Ngành sản phẩm điện tử, máy tính và quang học: Máy tính và thiết bị văn phòng; điện tử dân dụng; thiết bị truyền thông; thiết bị đo lường và kiểm tra; thiết bị và dụng cụ quang học.

- Ngành công nghiệp dệt may, giày dép.

- Các ngành, lĩnh vực công nghiệp công nghệ cao: công nghệ thông tin - truyền thông; công nghệ vật liệu mới; công nghệ tự động hóa; công nghệ sinh học.

b) Sản phẩm công nghiệp hỗ trợ ưu tiên phát triển

Các sản phẩm công nghiệp hỗ trợ ưu tiên phát triển là 06 nhóm sản phẩm công nghiệp hỗ trợ quy định tại phụ lục kèm theo Nghị định 111/2015/NĐ-CP ngày 3/11/2015 của Chính phủ về phát triển công nghiệp hỗ trợ.

2. Kinh phí thực hiện đề án

Tổng kinh phí dự kiến để thực hiện các hoạt động của đề án trong giai đoạn 2016 - 2020 là 282 tỷ đồng, trong đó chia ra:

a) Năm 2017: 30,5 tỷ đồng.

b) Năm 2018: 110,5 tỷ đồng.

c) Năm 2019: 110,5 tỷ đồng.

d) Năm 2020: 30,5 tỷ đồng.

3. Thời gian thực hiện đề án: Từ năm 2016 - 2020.

V. Giải pháp thực hiện đề án

1. Giải pháp tài chính

a) Về phía Nhà nước

- Bổ sung nguồn vốn cho Quỹ đầu tư phát triển của tỉnh để phục vụ nhu cầu vay vốn ưu đãi của các doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ.

- Thực hiện bảo lãnh tín dụng cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa hoạt động trong ngành công nghiệp hỗ trợ, giúp cho các doanh nghiệp có khả năng tiếp cận được các nguồn vốn tín dụng nhà nước.

- Phối hợp với Ngân hàng phát triển Việt Nam, chi nhánh tại Đồng Nai mở rộng và tạo điều kiện cho các doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ tiếp cận được nguồn vốn tín dụng nhà nước với lãi suất ưu đãi để đầu tư các dự án công nghiệp hỗ trợ trên địa bàn tỉnh.

- Cân đối nguồn kinh phí từ ngân sách tỉnh để thực hiện các hoạt động của đề án trong giai đoạn 2016 - 2020.

b) Về phía các tổ chức tài chính

Hỗ trợ quản trị tài chính, tư vấn quản trị doanh nghiệp, lập hồ sơ vay vốn để tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp tiếp cận được các nguồn vốn của ngân hàng; tăng cường đào tạo nguồn nhân lực thẩm định dự án công nghiệp hỗ trợ nhằm đáp ứng yêu cầu thẩm định các dự án công nghiệp hỗ trợ; đơn giản hóa các thủ tục vay vốn, hoàn thiện các dịch vụ tài chính dành cho công nghiệp hỗ trợ, đảm bảo nguồn vốn cho vay phục vụ công nghiệp hỗ trợ.

2. Giải pháp cơ chế, chính sách

a) Về vốn

- Hoàn thiện các chính sách về hỗ trợ lãi suất sau đầu tư và chính sách bảo lãnh tín dụng theo quy định hiện hành.

- Có chính sách ưu tiên nguồn vốn vay ưu đãi trung dài hạn cho các doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ vay với lãi suất thấp nhằm hỗ trợ doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ phát triển, nâng cao năng lực cạnh tranh.

b) Về đào tạo nguồn nhân lực và chuyển giao công nghệ

- Xây dựng cơ chế hỗ trợ chuyển giao công nghệ giữa doanh nghiệp FDI và các doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ trong nước, đồng thời hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa trong nước đổi mới công nghệ và tiếp nhận chuyển giao công nghệ mới.

- Xây dựng chính sách đào tạo nguồn nhân lực cho nghiên cứu, phát triển sản phẩm mới và chuyển giao công nghệ từ tập đoàn nước ngoài đến các doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ địa phương. Xây dựng cơ chế, chính sách hỗ trợ chi phí mua bản quyền công nghệ mới cho các doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ trong nước.

- Xây dựng cơ chế chính sách Nhà nước “đặt hàng” đối với các trường đại học, cao đẳng và trường dạy nghề đào tạo nhân lực theo nhu cầu của các doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ do nhà nước hỗ trợ một phần kinh phí hoặc hỗ trợ 100% kinh phí tùy theo mức độ ưu tiên phát triển ngành, lĩnh vực công nghiệp hỗ trợ.

- Khuyến khích các chương trình đào tạo phối hợp giữa công ty có vốn đầu tư nước ngoài với các nhà cung cấp trong nước nhằm mục tiêu chuyển giao công nghệ cho các công ty trong nước.

c) Về xúc tiến đầu tư, liên kết doanh nghiệp

- Cần có chính sách ưu đãi để thu hút đầu tư các doanh nghiệp FDI trong các lĩnh vực công nghiệp hỗ trợ mà các doanh nghiệp trong nước không sản xuất được.

- Xây dựng cơ chế khuyến khích các doanh nghiệp trong nước và doanh nghiệp nước ngoài liên kết với nhau tạo thành công ty liên doanh (liên kết) trong lĩnh vực công nghiệp hỗ trợ.

d) Chính sách phát triển khu, cụm công nghiệp dành cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa ngành công nghiệp hỗ trợ

- Xây dựng chính sách khuyến khích, hỗ trợ các chủ đầu tư hạ tầng khu công nghiệp, cụm công nghiệp cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa ngành công nghiệp hỗ trợ thuê lại;

- Xây dựng chính sách hỗ trợ các doanh nghiệp nhỏ và vừa ngành công nghiệp hỗ trợ đầu tư vào các khu, cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh.

3. Giải pháp cải thiện môi trường đầu tư, xây dựng hạ tầng các khu, cụm công nghiệp hỗ trợ và hạ tầng bên ngoài khu cụm công nghiệp.

a) Cải thiện môi trường đầu tư để thu hút đầu tư phát triển công nghiệp hỗ trợ. Quan tâm hợp tác với các nhà đầu tư, lắng nghe ý kiến và giải quyết kịp thời các khó khăn, vướng mắc của các nhà đầu tư, nhất quán trong các chính sách thu hút đầu tư để tạo điều kiện cho các nhà đầu tư hoạt động lâu dài.

b) Nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh của Đồng Nai, cải thiện các yếu tố tác động tới môi trường đầu tư, kinh doanh của doanh nghiệp, nâng cao hiệu lực, hiệu quả của cơ chế thực thi pháp luật tạo điều kiện cho kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh; Tăng cường hiệu quả hoạt động quản lý nhà nước theo hướng tạo điều kiện thuận lợi cho phát triển các loại hình doanh nghiệp.

c) Xây dựng khu công nghiệp, phân khu công nghiệp hỗ trợ dành cho doanh nghiệp nhỏ và vừa thuê với các lô nhỏ phù hợp, hỗ trợ thủ tục hành chính, trước mắt tập trung hoàn chỉnh xây dựng 3 phân khu công nghiệp hỗ trợ dành cho thu hút các nhà cung cấp FDI. Tích cực triển khai các chính sách ưu đãi đầu tư vào ngành công nghiệp hỗ trợ. Quy hoạch và triển khai xây dựng hạ tầng các cụm công nghiệp hỗ trợ dành cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa.

d) Đẩy nhanh việc xây dựng hạ tầng bên ngoài các khu, cụm công nghiệp, nhất là hạ tầng giao thông để tạo điều kiện cho các nhà đầu tư vận chuyển hàng hóa và lưu thông thuận tiện. Tập trung phát triển các loại hình dịch vụ đáp ứng tốt nhất nhu cầu của các nhà đầu tư.

4. Giải pháp về tổ chức, cải cách thủ tục hành chính.

a) Kiện toàn công tác quản lý nhà nước về công nghiệp hỗ trợ: giao nhiệm vụ cho Ban Chỉ đạo Phát triển thị trường tham mưu, tổ chức thực hiện đề án sau khi được cho UBND tỉnh phê duyệt.

b) Giao cho cơ quan đầu mối (Sở Công Thương) và có sự tham gia của đại diện (có thẩm quyền) của các cơ quan có liên quan để tiếp nhận hồ sơ, giải quyết các thủ tục hành chính và tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ nhanh nhất và đầy đủ nhất theo cơ chế một cửa liên thông.

c) Tập trung cải cách thủ tục hành chính trong các cơ quan Sở ban ngành liên quan theo hướng đơn giản, rút ngắn thời gian giải quyết các thủ tục hành chính cho doanh nghiệp theo tinh thần “Chính phủ kiến tạo và phục vụ” nhằm khuyến khích, cổ vũ, động viên tinh thần các doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ.

5. Giải pháp thị trường

a) Mở rộng thị trường tiêu thụ kể cả tiêu thụ nội địa và xuất khẩu. Phát triển mạnh hoạt động xúc tiến thương mại. Khuyến khích các thành phần kinh tế kể cả tư nhân trong các hoạt động phát triển thị trường tiêu thụ sản phẩm.

b) Xây dựng cơ sở dữ liệu công nghiệp hỗ trợ để làm cơ sở cho việc giới thiệu, tìm kiếm các mối liên kết, kết nối các doanh nghiệp FDI với các doanh

ng nghiệp nội địa thông qua các chương trình giới thiệu nhu cầu và năng lực cung ứng trong nước.

c) Củng cố và nâng cao vai trò của các hiệp hội ngành nghề, các cơ quan nhà nước, và các tổ chức liên quan khác nhằm xây dựng các mối liên kết giữa các doanh nghiệp CNHT với nhau, giữa các doanh nghiệp FDI và các doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ trong nước, giữa các doanh nghiệp đầu tàu và các doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ, giữa doanh nghiệp lớn và doanh nghiệp nhỏ và vừa.

d) Tổ chức và nâng cao hiệu quả của các hội chợ về công nghiệp hỗ trợ, hội chợ công nghiệp, triển lãm và các hội thảo chuyên đề về công nghiệp hỗ trợ. Hỗ trợ các doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ tìm kiếm đối tác kinh doanh và hỗ trợ cung cấp thông tin thị trường trong và ngoài nước.

đ) Tăng cường hợp tác quốc tế về phát triển công nghiệp hỗ trợ thông qua ký kết các chương trình hợp tác phát triển công nghiệp hỗ trợ giữa tỉnh Đồng Nai và các tỉnh đối tác của các nước trong khu vực.

6. Giải pháp phát triển nguồn nhân lực

a) Mở rộng các hình thức đào tạo, dạy nghề, phối hợp với các doanh nghiệp FDI trên địa bàn và liên kết với các trường đại học, các trung tâm đào tạo, dạy nghề ở trung ương và địa phương để mở rộng quy mô và các hình thức đào tạo lực lượng lao động của tỉnh, trong đó tập trung vào các ngành mũi nhọn là điện tử, tin học, cơ khí chế tạo, dệt may, giày dép. Khuyến khích các doanh nghiệp lớn trên địa bàn tỉnh tự đào tạo cho lực lượng lao động của doanh nghiệp.

b) Gắn chương trình đào tạo với nhu cầu thực tiễn đảm bảo nguồn nhân lực cho các doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ về chất lượng chuyên môn, nghiệp vụ, tay nghề, có khả năng tiếp thu có hiệu quả các phương pháp quản lý khoa học hiện đại, có trình độ vận hành các thiết bị công nghệ hiện đại trên thế giới, có thể lực, tác phong và nếp sống văn hoá công nghiệp.

c) Ưu tiên hỗ trợ các chương trình kế hoạch đào tạo phù hợp với nhu cầu thực tế, đáp ứng kịp thời yêu cầu cung cấp nguồn nhân lực kỹ thuật theo đặt hàng, theo địa chỉ giữa các trung tâm đào tạo nghề với các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh.

d) Từng bước thực hiện đào tạo theo yêu cầu và địa chỉ, nhằm đảm bảo cho lao động đào tạo ra được sử dụng đúng với chương trình đã đào tạo. Kết hợp đào tạo nghề dài hạn để có đội ngũ công nhân kỹ thuật, nhân viên nghiệp vụ lành nghề đủ khả năng tiếp cận và sử dụng thành thạo các phương tiện kỹ thuật, công nghệ hiện đại với việc mở rộng loại hình đào tạo nghề ngắn hạn tạo các cơ hội cho mọi người lao động đều được học nghề.

7. Giải pháp về khoa học và công nghệ

a) Tập trung nâng cao trình độ công nghệ, thiết bị tiên tiến để đáp ứng với yêu cầu của các sản phẩm công nghiệp hỗ trợ xuất khẩu.

b) Mở rộng hợp tác quốc tế về khoa học công nghệ, đa dạng hóa các loại hình hợp tác để tranh thủ tối đa sự chuyển giao công nghệ hiện đại từ các đối tác nước ngoài. Trong các dự án đầu tư phát triển và trong hợp tác sản xuất kinh doanh cần đặc biệt coi trọng yếu tố chuyển giao công nghệ mới, coi đây là một trong những yếu tố để quyết định dự án đầu tư.

c) Ưu đãi cao theo quy định cho các doanh nghiệp FDI có các dự án chuyển giao công nghệ tiên tiến vào sản xuất và có cam kết tài trợ cho một số các doanh nghiệp trong tỉnh phát triển công nghiệp hỗ trợ.

8. Giải pháp bảo vệ môi trường.

a) Hoàn chỉnh hạ tầng các khu, cụm công nghiệp nhằm đảm bảo tiếp nhận và xử lý chất thải từ các doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ nhất là các ngành xi măng, dệt nhuộm, thuộc da... có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường cao.

b) Tăng cường công tác quản lý nhà nước về môi trường đối với các dự án công nghiệp hỗ trợ, thực hiện tốt công tác thẩm định công nghệ, đánh giá tác động môi trường đối với các dự án công nghiệp hỗ trợ.

c) Hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật để xử lý chất thải gồm hệ thống xử lý nước thải tập trung, thu gom và xử lý chất thải rắn và các loại chất thải khác; kiểm soát chặt chẽ các nguồn thải để xử lý và bảo vệ môi trường.

d) Khuyến khích sản xuất sạch, lấy công nghệ sản xuất sạch làm tiêu chuẩn thay vì tiêu chí xử lý đạt tiêu chuẩn môi trường; có chính sách ưu đãi cho doanh nghiệp cải tiến công nghệ sử dụng công nghệ sản xuất sạch.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Sở Công Thương

a) Chủ trì phối hợp với các Sở ngành, địa phương hướng dẫn doanh nghiệp thực hiện hồ sơ xác nhận ưu đãi đầu tư của các doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ.

b) Xây dựng dự toán kinh phí tổ chức thực hiện đề án hàng năm và kinh phí hỗ trợ thuộc lĩnh vực ngành công thương (kèm các hồ sơ hỗ trợ) gửi Sở Tài chính bố trí vốn thực hiện.

c) Chủ trì phối hợp với các sở ngành, địa phương xây dựng và triển khai các kế hoạch thực hiện các hoạt động: tuyên truyền về công nghiệp hỗ trợ; hỗ trợ mặt bằng sản xuất; Xây dựng cơ sở dữ liệu công nghiệp hỗ trợ, kết nối doanh nghiệp; hỗ trợ xúc tiến thương mại công nghiệp hỗ trợ.

d) Chủ trì phối hợp với các sở ngành, địa phương xây dựng các cơ chế chính sách của địa phương nhằm hỗ trợ phát triển công nghiệp hỗ trợ.

đ) Sở Công Thương là cơ quan đầu mối chịu trách nhiệm theo dõi tổng hợp tình hình thực hiện đề án, đề xuất giải quyết các vấn đề phát sinh trong quá trình thực hiện, tổng hợp báo cáo theo định kỳ 6 tháng, năm cho UBND tỉnh.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư

a) Chủ trì phối hợp với các Sở Tài chính, Quỹ đầu tư phát triển tỉnh và các đơn vị liên quan rà soát tham mưu, UBND tỉnh điều chỉnh Quyết định số 43/2012/QĐ-UBND ngày 06/8/2012 của UBND tỉnh ban hành quy chế hỗ trợ sau đầu tư đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh Đồng Nai nhằm tạo điều kiện thuận lợi hơn các doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ tiếp cận nguồn vốn ưu đãi.

b) Chủ trì, tổng hợp các kiến nghị liên quan đến nội dung thực hiện hỗ trợ sau đầu tư trình UBND tỉnh xem xét, chỉ đạo; phối hợp với Sở Tài chính trong việc tổng hợp, cân đối kế hoạch vốn dành cho hỗ trợ sau đầu tư.

3. Sở Tài chính

Chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư và các sở ngành liên quan xây dựng và cân đối kế hoạch nguồn kinh phí hàng năm để thực hiện đề án theo các quy định hiện hành; phối hợp với các đơn vị được hỗ trợ lập dự toán và quyết toán tài chính theo đúng quy định.

4. Sở Khoa học và Công nghệ

Chủ trì triển khai các hoạt động phát triển khoa học và công nghệ, hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng lực cạnh tranh, áp dụng hệ thống quản lý chất lượng tiên tiến, bảo hộ sở hữu trí tuệ trong quá trình hội nhập giai đoạn 2016 - 2020; hỗ trợ nghiên cứu và phát triển, ứng dụng và chuyển giao công nghệ trong các ngành, lĩnh vực công nghiệp hỗ trợ.

5. Sở Tài nguyên và Môi trường

Chịu trách nhiệm hướng dẫn thủ tục, hồ sơ ưu đãi về thuê đất cho các dự án công nghiệp hỗ trợ; hướng dẫn cho các chủ đầu tư hạ tầng khu, cụm công nghiệp thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường theo quy định, đảm bảo các điều kiện để thu hút đầu tư phát triển công nghiệp hỗ trợ trên địa bàn tỉnh.

6. Sở Xây dựng

Hướng dẫn cho các chủ đầu tư hạ tầng khu, cụm công nghiệp quy hoạch chi tiết và xây dựng sẵn nhà xưởng cho thuê phù hợp với nhu cầu thuê đất diện tích nhỏ của các doanh nghiệp nhỏ và vừa ngành công nghiệp hỗ trợ.

7. Sở Lao động Thương binh và xã hội

Xây dựng chiến lược, chương trình, kế hoạch phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng nhu cầu phát triển công nghiệp hỗ trợ giai đoạn 2016-2020, định hướng đến năm 2025; xây dựng và tổ chức thực hiện chương trình hợp tác quốc tế đào tạo nguồn nhân lực cho công nghiệp hỗ trợ trên địa bàn tỉnh.

8. Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh

a) Triển khai hoạt động xúc tiến thu hút các nhà cung cấp FDI vào các khu công nghiệp; hoàn thiện môi trường đầu tư tại các khu công nghiệp.

b) Tham mưu cho UBND tỉnh quy hoạch, triển khai xây dựng và thu hút đầu tư công nghiệp hỗ trợ tại các phân khu công nghiệp hỗ trợ.

9. Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh

Triển khai chính sách hỗ trợ lãi suất sau đầu tư theo Quyết định số 43/2012/QĐ-UBND ngày 06/8/2012 của UBND tỉnh Đồng Nai ban hành quy chế hỗ trợ sau đầu tư đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ tiếp cận nguồn vốn ưu đãi.

10. Cục Thuế Đồng Nai

Hướng dẫn thủ tục, hồ sơ ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế giá trị gia tăng,... cho các dự án công nghiệp hỗ trợ.

11. Cục Hải quan Đồng Nai

Hướng dẫn thủ tục, hồ sơ ưu đãi về thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu,... cho các dự án công nghiệp hỗ trợ.

12. Cục Thống kê:

Tổng hợp số liệu thống kê các chỉ tiêu về ngành công nghiệp hỗ trợ phục vụ cho việc đánh giá kết quả thực hiện đề án, định kỳ 6 tháng, năm báo cáo UBND tỉnh.

13. UBND các huyện, thị xã Long Khánh, thành phố Biên Hoà:

Xem xét, đề xuất điều chỉnh quy hoạch, quy hoạch mới một số cụm công nghiệp hỗ trợ nhằm phục vụ cho mục tiêu thu hút đầu tư phát triển công nghiệp hỗ trợ trên địa bàn tỉnh. Phối hợp với các sở, ban, ngành triển khai thực hiện đề án, báo cáo những khó khăn vướng mắc và đề xuất kiến nghị UBND tỉnh.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Công Thương, Tài Chính, Kế hoạch và Đầu tư, Khoa học và Công nghệ, Giao thông Vận tải, Thông tin và Truyền thông, Xây dựng, Lao động - Thương binh và xã hội, Tài nguyên và Môi trường, Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh, Cục Hải quan, Cục Thuế, Cục Thống kê, UBND các huyện, thị xã Long Khánh, thành phố Biên Hoà, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan và các doanh nghiệp chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Bộ Công Thương ;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch và Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Chánh - Phó chánh UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KT, CNN.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

